“Mẹ Việt Nam anh hùng”: từ danh hiệu vinh dự Nhà nước đến dấu ấn trong đời sống đương đại

Nguyễn Thanh Tùng[1]

[1] Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: Viettrung03@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 9 năm 2020.

Tóm tắt: Bài viết trình bày sơ bộ về những đặc điểm, ý nghĩa và ảnh hưởng của danh hiệu vinh dự Nhà nước “Mẹ Việt Nam anh hùng” đến đời sống Việt Nam đương đại. Bằng việc tận dụng, khai thác hình tượng người mẹ trong liên kết với sự hy sinh của các liệt sĩ cách mạng thế kỷ XX, danh hiệu này là một sáng tạo mang tính dân tộc và thời đại, phù hợp với bối cảnh đặc thù và yêu cầu giải quyết những vấn đề riêng của Việt Nam thời hậu chiến. Sự thống nhất hoặc mâu thuẫn giữa hình dung và thực tiễn về Mẹ Việt Nam anh hùng cho thấy tương quan đa dạng giữa lý tưởng quốc gia, truyền thống gia đình và đạo lý dân tộc như một trong những khía cạnh đáng chú ý của đời sống văn hóa - xã hội đương đại.

Từ khóa: Mẹ Việt Nam anh hùng, danh hiệu, liệt sĩ, văn hóa, xã hội.

Chuyên ngành: Văn hóa học

Abstract: The article provides a preliminary presentation of the characteristics, significance and impact of the State's honorific title "Heroic Vietnamese Mother" on the current Vietnamese society. By linking the image of the mother to the sacrifice of twentieth-century revolutionary martyrs, this title is a creation of the national and epochal value, suitable for the particular context and the need to address Vietnam's post-war characteristic issues. The consistency or differences between the envisioning of the image of the mothers, and the application in reality show a diverse correlation between the national ideals, family traditions and national morality as one of the notable aspects of the current socio-cultural life.

Keywords: Heroic Vietnamese mother, titles, martyrs, culture, society.

Subject specification: Cultural studies

1. Mở đầu

Người Việt Nam có một cảm hứng đặc biệt với những niềm tin và ý tưởng liên quan đến tôn vinh người mẹ từ quá khứ đến hiện đại và từ huyền thoại đến hiện thực. Thực tế sống động này thúc đẩy niềm tin rằng tính mẫu/ tính nữ trong văn hóa nói chung cũng như các thực hành thờ cúng hình tượng Mẫu/ Mẹ nói riêng là một hằng số phổ biến trong văn hóa bản địa các tộc người trên cả nước. Việc sử dụng các biểu tượng về người mẹ, do vậy, thường gây được cảm xúc mạnh mẽ trong các động thái của nhà nước và xã hội nhằm tăng cường đoàn kết quốc gia và bản sắc dân tộc đương đại [6], [7], [9].

Được quy định lần đầu trong một Pháp lệnh năm 1994, danh hiệu vinh dự Nhà nước[2] Mẹ Việt Nam anh hùng (MVNAH) là một ví dụ điển hình và thuyết phục cho sức mạnh của biểu tượng người mẹ trong việc củng cố các giá trị nhân văn của người Việt Nam. Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển trong hệ thống pháp chế về người có công, từ gần 20.000 người được phong tặng/ truy tặng lần đầu, cả nước đến nay đã có gần 140.000 MVNAH thuộc các tiêu chuẩn: (i) Có 2 con trở lên là liệt sĩ; (ii) Chỉ có 2 con mà 1 con là liệt sĩ và 1 con là thương binh; (iii) Chỉ có 1 con mà người con đó là liệt sĩ; (iv) Có 1 con là liệt sĩ và có chồng hoặc bản thân là liệt sĩ; (v) Có 1 con là liệt sĩ và bản thân là thương binh [10]. Thực tiễn cho thấy danh hiệu vừa đóng vai trò là sự vinh danh, vừa là một phần của hệ thống an sinh xã hội để hỗ trợ một nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, cũng vừa là một phần của các động thái chính trị có hệ thống nhằm tác động vào hệ giá trị xã hội có liên quan.

2. Danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng – một sáng tạo riêng và độc đáo của người Việt Nam

Về mặt thời điểm, MVNAH là một danh hiệu được sinh ra vào thời hậu chiến, bắt đầu từ đề xuất của Tổng Bí thư Đỗ Mười trong thảo luận nghị sự về những vấn đề bức thiết của chính sách đãi ngộ cho người có công những năm 1990 [22]. Tuy nhiên, ý tưởng về tôn vinh MVNAH đã xuất hiện ngay trong thời chiến, vào thời điểm ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, qua những phát biểu mang tính giáo dục về đạo lý dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Lê Duẩn: "Nhân dân ta anh hùng là nhờ có các bà mẹ Việt Nam anh hùng" [1, tr.581], "Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta" [8, tr.148], "Dân tộc ta và Đảng ta đời đời biết ơn các bà mẹ Việt Nam đã sinh ra và cống hiến những người con ưu tú đã và đang chiến đấu anh dũng tuyệt vời bảo vệ non sông gấm vóc do tổ tiên ta để lại" [5, tr.165].

Từ "anh hùng" trong MVNAH trong thường thức chính trị có thể hiểu theo hai nghĩa: (i) các quân nhân xả thân chiến đấu nơi tiền tuyến nói riêng và toàn thể người Việt Nam yêu nước nói chung (như lời ca ngợi nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, Quân đội ta là một Quân đội anh hùng"), người mẹ ở đây là người mẹ có công sinh ra và nuôi dạy các anh hùng đó; (ii) người mẹ có

phẩm chất hoặc chiến tích anh hùng, người đã ủng hộ sức người (chồng, con), sức của (tài sản) hoặc chính sức lực, xương máu của mình cho cách mạng và kháng chiến. Nói chung, ý tưởng tôn vinh MVNAH có sự liên kết và tương đồng rất lớn với ý tưởng tôn vinh "Liệt sĩ" và "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" vốn là những danh hiệu sinh ra từ thời chiến. Bởi vì ý niệm "anh hùng" ở đây được mở rộng từ những quân nhân hết sức ưu tú ra một tập hợp rộng rãi của nhiều thành phần khác nhau trong xã hội, một số MVNAH có thể rất đặc biệt và nổi tiếng trước công chúng, trong khi một số khác có những danh tính rất đỗi bình thường và không dễ để nhận diện giữa những người bình thường khác.

Thoạt đầu, người ta có thể nghĩ rằng danh hiệu MVNAH là một cái gì đó rất Xô viết vì phần lớn các danh hiệu vinh dự do Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam thiết lập là học tập theo mô hình "thi đua xã hội chủ nghĩa" đặc trưng của khối các quốc gia có cùng hệ tư tưởng, và bởi các quốc gia đó cũng tích cực tôn vinh những người mẹ có đóng cho quốc gia vào thế kỷ XX. Chẳng hạn, danh hiệu "Bà mẹ Anh hùng" của Liên Xô cũ (được trao từ năm 1944 đến năm 1991) dành cho tất cả các bà mẹ sinh và nuôi 10 người con trở lên với điều kiện là những đứa con vẫn còn sống hoặc đã mất trong hoàn cảnh anh hùng, quân sự hoặc các hoàn cảnh tôn kính khác. Tức là, một người mẹ được vinh danh bởi vì đã sinh và nuôi những người con anh hùng, hoặc bởi vì bà đã góp phần hiệu quả cho việc tăng thêm số lượng con người như "sinh lực" quốc gia sau những tổn thất nặng nề trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại [17, tr.127].

Tương tự, ở Bắc Triều Tiên, những "Bà mẹ anh hùng" cũng có thể được lựa chọn từ các bà mẹ đã vượt qua khó khăn về kinh tế, lương thực để sinh nhiều con, hoặc nuôi dạy con trở thành quân nhân hoặc vợ của quân nhân [21]. Còn ở Trung Quốc, vào những năm 1950 - 1960, danh hiệu "Bà mẹ anh hùng" dành cho những bà mẹ đông con và có một vài người con tham gia quân ngũ, hầu như là sự bắt chước dập khuôn mô hình của Liên Xô, điều ban đầu được xem là cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia, nhưng về sau đã rơi vào quên lãng do chính sách hạn chế sinh đẻ nhằm giải quyết tình trạng quá tải dân số [13, tr.149]. Hiện tượng đáng chú ý gần đây trên sân khấu và truyền thông đại chúng là việc lựa chọn ứng viên cho giải thưởng quốc gia mang tên "Bà mẹ xuất sắc" - chủ yếu dựa trên sự thể hiện của họ về lòng yêu nước, sự ủng hộ Đảng Cộng sản, tinh thần kinh doanh và năng lực công tác xã hội tự nguyện để mở rộng giá trị của người mẹ đối với toàn xã hội Trung Quốc [12].

Tuy nhiên, MVNAH là một sáng tạo riêng và đặc trưng của Việt Nam, với bối cảnh ra đời muộn và những thuộc tính rất khác với các danh hiệu được xem là tương đương đó. Thứ mà nó nhấn mạnh nhất không phải sự xuất sắc của các bà mẹ, không phải vai trò sinh đẻ của các bà mẹ, cũng không hẳn là công lao, cống hiến cụ thể nào đó của các bà mẹ trong chiến tranh. Thay vào đó, sự *mất mát*, *nỗi đau* của họ trong liên kết với sự hy sinh của các liệt sĩ mới là trọng tâm của sự tôn vinh, điều đã được hàm ý trong chính tiêu chuẩn của danh hiệu. Báo chí Trung ương và địa phương ca ngợi sự vinh danh - tuy muộn màng nhưng cần thiết - như là sự thừa nhận cho nỗi đau và sức chịu đựng phi thường

của những người phụ nữ Việt Nam bình thường trong chiến tranh.

Trong khuôn khổ chính trị về cái chết của những anh hùng xã hội chủ nghĩa, ý tưởng này là phù hợp với xu hướng thần thánh hóa phẩm chất người mẹ trong văn hóa Việt Nam, trong đó, sự hy sinh những người con cho sự nghiệp cách mạng là phẩm chất được đánh giá cao hơn tất cả các phẩm chất khác, khi mà càng mất đi nhiều người con hơn tức là càng vinh quang hơn[3]. Một khi ý chí của các liệt sĩ được mặc nhiên tôn trọng cùng với nỗi day dứt của người mẹ được che lấp, tuy thực chất là hai phạm trù đối lập, sự hy sinh những người con của Mẹ cho Tổ quốc được đồng nhất hóa tài tình với tình yêu vô bờ bến của Mẹ với con. Như Heonik Kwon chỉ ra, danh hiệu MVNAH không đơn giản là một biểu đạt về giới tính cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Việt Nam, mà còn là sự tôn vinh tột bậc chủ nghĩa anh hùng cách mạng dựa trên sự tái hiện "ký ức tập thể" - khái niệm được đề xướng bởi Maurice Halbwachs - về những người đã hy sinh như một cách để hoàn thành nghĩa vụ tưởng niệm, tri ân của đất nước đối với họ. Trong bối cảnh Việt Nam thời hậu chiến, việc thừa nhận và nhấn mạnh sự mất mát, hy sinh của người mẹ giúp giải quyết "cuộc khủng hoảng về khái niệm và đạo đức trong thể chế chính trị của sự thờ phụng anh hùng chiến tranh" [16, tr.112].

3. Biểu tượng và sử dụng biểu tượng người mẹ anh hùng

Nhiều ý nghĩa khác nhau có thể được nhận diện từ việc thiết lập danh hiệu MVNAH: tưởng nhớ, ca ngợi công lao của các Mẹ nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung trong công cuộc giữ nước; khơi gợi ký ức chiến tranh đau thương và hào hùng; củng cố đạo lý được ẩn dụ bằng câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" (hay "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây") qua việc tôn trọng, quan tâm đến các Mẹ; giáo dục về truyền thống phụng dưỡng người cao tuổi có công với cách mạng… Dù được hiểu theo nghĩa nào thì sự ra đời của danh hiệu MVNAH đã kích thích nhiều sự kiện và thực hành văn hóa - xã hội ở Việt Nam từ giữa thập niên 1990 trở đi. Nếu như trước đó, hình tượng mẹ liệt sĩ (hoặc mẹ chiến sĩ theo nghĩa rộng) mới chủ yếu ghi được dấu ấn trong văn học và sân khấu, thì sau thời điểm này, họ trở thành nguồn cảm hứng lớn cho nhiều cảnh quan, tượng đài, nghĩa trang, công trình tưởng niệm ở cấp quốc gia và địa phương.

Những tác phẩm mang tính quần thể với hình tượng Mẹ làm trung tâm và các con làm vệ tinh[4] phản ánh sự tái định nghĩa hình tượng liệt sĩ theo một phong cách rất mẫu tính: không phải là những người đàn ông và phụ nữ đã trưởng thành được giải thoát khỏi ràng buộc của gia đình để hoàn thành nghĩa vụ với Tổ quốc, mà là những người đã hoàn thành nghĩa vụ với Tổ quốc, giờ đây được "con thơ hóa", đã hướng vào, trở về với vòng tay Mẹ - khi ấy vừa là mẹ ruột của họ, vừa có thể mang ý nghĩa rộng lớn hơn là "Đất Mẹ" hoặc "Mẹ Tổ quốc". Thực tế là việc hợp nhất hóa MVNAH như những người *mẹ chung* và những liệt sĩ, chiến sĩ cách mạng là những người *con chung* của Mẹ đã được ủng hộ trong các tuyên bố nổi tiếng trong thế kỷ XX về chiến tranh cách mạng và lòng yêu nước, và bởi ghi nhận về những chiến sĩ cách mạng - không phân biệt

dân tộc, xuất thân, lứa tuổi - khi hoạt động bí mật đã được cưu mang, đùm bọc bởi các bà má (mẹ) miền Nam, những người về sau được phong tặng, truy tặng là MVNAH hoặc "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Sự xuất hiện của không gian trưng bày hiện vật, tư liệu, tranh ảnh, phù điêu liên quan đến MVNAH trong các bảo tàng, triển lãm từ Bắc đến Nam làm phong phú thêm các nội dung lấy chủ đề về phụ nữ nói chung và người mẹ nói riêng. Điều lý thú là mặc dù theo quy định của Nhà nước, MVNAH có thể vừa là mẹ liệt sĩ, vừa là vợ liệt sĩ, đại đa số những trưng bày này chỉ bao gồm những gì liên quan đến quan hệ mẹ - con[5]. Một mặt, nó cho thấy sự chi phối, áp đảo quá lớn của mẫu tính trong ý niệm phổ biến về MVNAH. Mặt khác, nó cũng đóng vai trò là đối trọng đặc biệt với chủ đề người vợ lính trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật và sân khấu nói về quan hệ giữa phụ nữ với chiến tranh cách mạng. Điều quan trọng hơn cả là việc sưu tầm, triển lãm hiện vật sử dụng trong thời chiến và hình ảnh đời thường đương đại đã thực hiện khá tốt một quá trình có thể tạm gọi là "di sản hóa" những nhân chứng sống của một thời đại đã qua - "thời đại mà phái yếu sẵn sàng cống hiến nhiều nhất, khi sự nghiệp của quốc gia dân tộc được đặt trước những mối quan tâm cá nhân và gia đình" [19, tr.3]. Như nhiều hiện vật khác giúp tái hiện cuộc sống thời chiến tranh, kỷ vật của MVNAH từ chiếc khăn, chiếc áo, đồ nữ trang, chiếc bát, đèn dầu cho đến hũ gạo, nồi cơm (trong đó có những cái dùng để nấu cơm nuôi bộ đội)… mang ý nghĩa như là bằng chứng cho sự nghèo đói thiếu thốn và sự cống hiến vượt qua sự nghèo đói thiếu thốn của các Mẹ, mà khi đặt trong tương quan với cuộc sống ngày nay, đã trở thành sự thừa nhận vững chắc cho một Việt Nam hiện đại hóa. Chúng không còn là mô hình để mô phỏng, mà còn là phương tiện để tham gia vào sự đánh giá chuẩn mực từ hiện đại về truyền thống dân tộc.

Hình ảnh về cuộc sống hiện đại, mặt khác, lại được vận dụng theo xu hướng tác động chủ yếu vào cảm xúc thay vì lý trí. Truyền thông hình ảnh gây xúc động mạnh cho công chúng bằng cảnh sinh hoạt cô đơn của các Mẹ, những góc chụp cận cảnh với ánh mắt buồn, cái nhìn xa xăm, hoặc đặc biệt hơn cả là khoảnh khắc mang tính tâm linh khi các Mẹ "giao tiếp", "mời gọi" vong linh liệt sĩ về với mình - như bức ảnh nổi tiếng của Đại tá, nhà báo Trần Hồng về MVNAH Nguyễn Thị Thứ thắp 9 ngọn nến, 9 nén hương trên bàn thờ và xếp 9 cái bát, 9 đôi đũa bên mâm cơm dành cho 9 người con của Mẹ đã hy sinh. Tính xúc cảm mạnh mẽ ở đây được kích thích dựa trên thái độ xã hội phổ quát đối với hình ảnh "người đầu bạc tiễn kẻ tóc xanh", điều phản ánh tình trạng khủng hoảng sâu sắc trong thực hành thờ cúng ở nhiều gia đình Việt Nam thời hậu chiến. Những hình ảnh tương tự như vậy thường được ghi lại và đăng tải trong các phóng sự về câu chuyện cuộc đời và cuộc sống thường ngày của MVNAH, hoặc trong sự kiện thăm viếng, tặng quà các Mẹ vào ngày Thương binh - Liệt sĩ (ngày 27 tháng 7), Tết Nguyên đán, ngày Quốc khánh (ngày 2 tháng 9), ngày Giải phóng miền Nam (ngày 30 tháng 4)… như một thủ pháp hiệu quả làm lay động cả những công chúng có cảm xúc sắt đá nhất.

Nhìn chung, biểu tượng MVNAH được khắc họa trong các tồn tại mang tính thông điệp và truyền thông rộng rãi đều có chung

một khả năng gợi nhớ về quá khứ đau buồn của họ nói riêng cũng như của đất nước nói chung. Nó khác và ấn tượng hơn các động thái kỷ niệm chiến thắng của chiến tranh cách mạng thế kỷ XX ở sự gắn kết chặt chẽ với tình cảm, đạo lý con người trong xã hội thời hậu chiến, đồng thời khai thác ít nhiều sức hút của hình tượng người mẹ trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước kể từ đổi mới đang phải đối mặt với một số vấn đề đạo đức lớn như sự lãng quên di sản của thế hệ trước hay sự thờ ơ với các vấn đề xã hội, đó chính là một biện pháp chính trị hiệu quả để nhắc lại, để trân trọng, để giáo dục nghiêm khắc về sự mất mát, cái giá của độc lập - tự do, sự chân chính của chế độ xã hội chủ nghĩa, mặc dù đôi lúc, nó cũng có thể dẫn đến một số câu hỏi mang tính xét lại về khả năng hạn chế tổn thất chiến tranh [14, tr.177-182], [19, tr.3-4, 104-105]. Từ quan điểm đạo đức hiện đại, các Mẹ và liệt sĩ là rất đáng tôn trọng và ngưỡng mộ, nhưng người ta thường tin rằng sẽ là tốt hơn nếu họ ngay từ đầu không phải chịu mất mát - tức là các liệt sĩ được sống sót trở về và các Mẹ không phải trở thành MVNAH (!). Như phần tiếp theo sẽ trình bày, mâu thuẫn giữa các giá trị đại diện với các giá trị bị tác động là một vấn đề quan trọng của danh hiệu đặc biệt này, điều đã được điều hòa trong các thực hành văn hóa - xã hội thường ngày ở cộng đồng và gia đình các MVNAH.

4. Sự mâu thuẫn và thống nhất giữa các giá trị của danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng

Những bức xúc trong quá trình xét và trao tặng danh hiệu MVNAH đã đặt ra một số tranh luận về nhận thức hiện đại đối với vai trò giới và truyền thống gia đình. Không có danh hiệu tương đương cho người cha, và hiếm có người cha nào của các anh hùng, liệt sĩ, chiến sĩ được ghi nhận công lao. Về mặt thường thức, người mẹ "sinh nặng đẻ đau" đã luôn được xem là người hết sức đau khổ vì cái chết của con mình. Nhưng bởi các liệt sĩ thường là nam giới, người cha chỉ có độc nhất một con trai cũng là người chịu tổn thương không kém trong bối cảnh văn hóa (mang yếu tố Nho giáo) xem nỗi bất hạnh (và tội lỗi) lớn nhất của người đàn ông là tuyệt tự, mất dòng dõi. Hơn nữa, nếu chỉ nhấn mạnh vào tương quan gắn kết giữa mẹ - con với cha - con, vẫn là thiếu công bằng nếu không vinh danh những người cha liệt sĩ từng chịu cảnh "gà trống nuôi con", hoặc có vợ và con đều là liệt sĩ.

Một cách giải thích khả dụng cho việc xã hội "quên đi" vai trò của người cha là sự tổn thương của việc không còn người nối dõi từ mối quan hệ hôn nhân cũ có thể được giảm thiểu nhờ việc lấy vợ khác. Nhưng, khả năng này cũng xảy đến cả với mẹ liệt sĩ, những người có thể được chính cha mẹ chồng khuyến khích, hoặc bị kẻ địch kìm kẹp ép buộc, hoặc một mình không thể nào lo nổi cho đàn con, hoặc muốn kiếm một đứa con để khỏi phải sống cô đơn suốt đời, hoặc người chồng về sau đã qua đời hay không còn chung sống với mình nữa [4, tr.190-191]. Việc giải quyết những tình tiết, ngóc ngách đa dạng của đời sống như vậy là một trong những thảo luận thường xuyên trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, điều góp phần đưa đến Nghị định 28-CP năm 1995, trong đó thừa nhận tư cách thân nhân liệt sĩ của những người vợ/ chồng liệt sĩ đã đi bước nữa nếu thuộc một

trong hai điều kiện: (i) vẫn nuôi dưỡng con của liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc phụng dưỡng cha mẹ liệt sĩ; (ii) vẫn sống độc thân, do người chồng/vợ sau đã chết (hoặc ly dị).

Mặc dù rất được hoan nghênh, Nghị định 28-CP mới chỉ điều chỉnh lại tư cách mẹ hoặc vợ liệt sĩ một cách chung chung chứ chưa động đến các tiêu chuẩn của MVNAH. Vấn đề tiếp tục kéo dài dẫn đến tranh luận lớn thứ hai kéo dài đến hết thập niên đầu của thế kỷ XXI: có thể có MVNAH đã tái giá được không? nếu có thể thì quan hệ của họ với gia đình của người chồng trước và người chồng sau nên được đánh giá thế nào? Tuy các chính khách đã tuyên bố hùng hồn trước công chúng về sự cần thiết của việc công nhận MVNAH đã tái giá [23], và Chính phủ đã bổ sung thêm quy chế trao tặng danh hiệu cho "bà mẹ là vợ liệt sĩ tái giá nhưng vẫn có trách nhiệm chăm sóc bố mẹ của liệt sĩ và nuôi con của liệt sĩ đến tuổi trưởng thành" [3], thực tế là việc giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng thuộc diện này vẫn còn bất cập và chậm trễ. Nguyên nhân không chỉ nằm ở sự thiếu thống nhất trong quá trình diễn giải nội dung chính sách - vốn chưa thực sự cụ thể - ở cấp độ địa phương, mà còn nằm trong tư duy đóng khung về MVNAH.

Lòng chung thủy của người vợ với chồng vốn không phải là giá trị đại diện được tuyên bố công khai cho danh hiệu, nhưng vô hình chung lại là giá trị bị áp đặt mạnh mẽ cho danh hiệu. Mâu thuẫn ở đây là người ta thường hình dung về MVNAH với đức hạnh cao hơn những người phụ nữ thông thường là mẹ hoặc vợ liệt sĩ, dù rằng cả hai nhóm nhiều khi đồng nhất với nhau. Các Mẹ được kỳ vọng mang phẩm chất chuẩn mực của người phụ nữ Nho giáo cổ điển: chung thủy suốt đời với chồng con và không ham muốn hạnh phúc riêng. Như truyền thông và một số tác phẩm văn học thời hậu chiến đã khắc họa, hình tượng người mẹ cô đơn, hiu quạnh, héo hon trong căn nhà trống vắng, suốt đời hương hỏa chồng con là khuôn mẫu điển hình nhất cho MVNAH. Lối suy nghĩ về hình tượng người phụ nữ anh hùng "thủ tiết thờ chồng" kiểu này vốn là không bắt buộc, nhưng kể từ khi tình trạng hôn nhân gia đình của các Mẹ luôn được tính đến trong việc xem xét tiêu chuẩn vinh danh (thay vì chỉ những đóng góp cho đất nước đơn thuần giống như danh hiệu "Liệt sĩ" và "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân"), sự xâm nhập và chi phối của ý niệm cổ điển được nhìn nhận như cách để nâng cao tính chất cao quý của danh hiệu[6]. Điều này một mặt giúp cho MVNAH nhận được sự tôn trọng lớn hơn, nhưng mặt khác, cũng làm cho nhiều Mẹ phải nhận thiệt thòi bởi sự công nhận muộn màng, cũng như chưa phản ánh hết tinh thần nhân văn và hiện đại của danh hiệu.

Theo một chiều hướng khác, tồn tại sự thống nhất tương đối cao giữa hình dung và thực tiễn đời sống của các MVNAH lam lũ, khắc khổ, không những cống hiến cho Tổ quốc trong quá khứ, mà còn tiếp tục cống hiến cho thế hệ hôm nay. Tuy không phải tất cả, gia đình các Mẹ thường phụ thuộc ở những mức độ khác nhau vào trợ cấp xã hội hay sự quan tâm của cộng đồng (xuất phát từ tình trạng mất đi người trụ cột gia đình do sự hy sinh của không những một, mà nhiều người đàn ông trưởng thành trong quá khứ). Nhưng, như một lẽ tự nhiên, các Mẹ thường xuất hiện trước cộng đồng và công chúng với diện mạo của những bà lão

dân dã, giản dị và không đòi hỏi gì nhiều về vật chất, điều có thể bị phê bình là ẩn dụ cho tình trạng nghèo bị khỏa lấp [24]. Truyền thông tích cực giới thiệu câu chuyện về một số Mẹ vẫn còn sức khỏe tốt và hay làm công tác xã hội như một cách truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ. Có những Mẹ đã đóng góp cho quỹ khuyến học hoặc các gia đình có hoàn cảnh khó khăn khác trong tộc họ, cộng đồng dân cư bằng hầu hết quà cáp, tiền thăm hỏi được hưởng từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài cộng đồng [11, tr.27]. Các Mẹ còn là đại diện quan trọng cho tình trạng sống độc thân của một lớp phụ nữ cao tuổi ở vùng nông thôn hiện nay, với lý do được chấp nhận là mong muốn chăm sóc linh hồn của các thành viên gia đình quá cố - có thể được diễn giải như là sự độc lập, tự quyết định của họ trong biểu thị hình tượng người mẹ anh hùng và người vợ tận tụy đến hết đời [15]. Những đặc điểm này ít được thể hiện hơn trong lối sống của thế hệ con cháu hoặc những người có trách nhiệm thờ cúng MVNAH sau khi qua đời, điều cho thấy sự hợp lý phần nào của quan điểm xem các Mẹ như những di sản nhân văn sống đang dần mai một và cần được quan tâm, bảo vệ.

5. Ứng xử xã hội với người mẹ anh hùng

Khác với các danh hiệu thi đua và khác với các danh hiệu tôn vinh người mẹ của các quốc gia xã hội chủ nghĩa khác, danh hiệu MVNAH hoàn toàn không mang bản chất của danh hiệu thi đua (dù được quản lý bởi Ban Thi đua - Khen thưởng - tổ chức chuyên phụ trách vấn đề thi đua trong cả nước). Bởi vì sự hy sinh của các liệt sĩ đôi khi được định nghĩa là sự tích cực cần thiết (cho Tổ quốc) nhưng không được trông đợi (bởi bản tính yêu thương con của người mẹ), tuyệt nhiên không có một ca ngợi rằng đó là sự thi đua về lượng giữa các Mẹ. Tuy nhiên, sự cần thiết của việc giải quyết hoàn cảnh thiệt thòi của họ lại là nguồn cảm hứng cho các ý tưởng làm phong phú, sống động và thiết thực hóa phong trào thi đua nhân danh đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc:

Ở tất cả các địa phương, hoạt động thăm hỏi, tặng quà các MVNAH là một phần quan trọng trong các nghi lễ thế tục thường kỳ của Nhà nước và xã hội nhằm tri ân người có công. Về khách quan thì đây gần như là sự "nâng cấp" từ truyền thống của giới quân sự nhằm chia buồn, thăm hỏi cha mẹ, vợ/ chồng, con cái những quân nhân đã hy sinh, nay đã mang tính xã hội hóa cao hơn. Điểm khác biệt giữa trước và sau sự xuất hiện của danh hiệu MVNAH không chỉ ở sự quan tâm lớn hơn cho các Mẹ (qua giá trị của khoản trợ cấp và quà cáp), mà là cách truyền thông điệp về chuyến viếng thăm của những người khách gần giống như sự thăm hỏi giữa những người thân trong một gia đình. Không những xưng hô một cách trìu mến là "con" - "mẹ", người đại diện của các đoàn thể, tổ chức (và cả một số lãnh đạo trong Chính phủ) đôi khi còn thắp nhang trên bàn thờ liệt sĩ để thể hiện sự tôn trọng và gần gũi với gia đình - một thực hành xã giao rất hiếm khi xảy ra với các gia đình bình thường. Điều này là phù hợp đối với các thông điệp định nghĩa MVNAH như là *mẹ chung* của mọi người Việt Nam, không đơn giản chỉ là *mẹ chung* của các liệt sĩ hoặc giới quân nhân. Mặt khác, nó cũng cho thấy cách mà đạo lý "Uống nước nhớ

nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" được thể hiện trong ứng xử đã có từ trước với các gia đình liệt sĩ, gia đình người có công được cụ thể hóa thành lòng *hiếu thảo* và sự *phụng dưỡng* của Nhà nước và xã hội dành cho từng Mẹ.

Trong những tuyên bố và thực hành mở rộng liên quan đến sự phụng dưỡng, toàn thể xã hội hay quốc gia dân tộc được biến thành một gia đình lớn: Nhà nước tài trợ, chỉ dẫn; cộng đồng (dân cư và xã hội) giám sát, hỗ trợ; thân nhân (của các Mẹ) thực hiện phụng dưỡng, chăm sóc trực tiếp và đưa ra những đề nghị cụ thể. Sự bỏ bê hoặc thất bại của bất kỳ chủ thể nào trong việc thực hiện trách nhiệm của mình luôn bị xem là sự coi thường đạo lý dân tộc, thường dẫn đến sự chỉ trích, phê phán về mặt đạo đức (đôi khi là sự trừng phạt) từ các chủ thể còn lại. Hệ thống phân cấp trách nhiệm thống nhất như vậy có thể được định nghĩa như một chương trình quốc gia nhằm tăng cường đoàn kết và đạo đức công dân [16, tr.112], dù rằng sự kỳ vọng quá mức về trách nhiệm (chủ yếu là trách nhiệm kinh tế) có thể dẫn đến thất vọng và mâu thuẫn giữa các bên [20, tr.167-171].

Nhìn chung, sự quan tâm mang tính xã hội hóa xuyên suốt từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã đến từng cộng đồng dân cư cơ bản là giống nhau: Nhà nước cung cấp trợ cấp vật chất cơ bản, chăm sóc y tế và ưu đãi trong dịch vụ công cộng; chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư đảm nhiệm việc tổ chức các lễ phong tặng/ truy tặng danh hiệu, tặng quà cho các Mẹ định kỳ, thăm hỏi các Mẹ khi ốm đau, quyên góp và giám sát xây dựng "nhà tình nghĩa" cho các Mẹ không còn người thân, tổ chức đám tang trọng thể cho các Mẹ khi qua đời. Nhiều hoạt động được tổ chức thành phong trào thi đua nơi thu hút sự tham gia của nhiều lứa tuổi, thành phần, tiêu biểu như: phong trào kết nghĩa, phụng dưỡng của các đơn vị quân đội; phong trào "Áo lụa tặng bà", "Tìm địa chỉ đỏ" của thiếu niên nhi đồng; phong trào "Áo ấm tặng mẹ" của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; phong trào "Quà tặng Mẹ" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... Chúng được xem như một phần của phong trào lớn gọi là "Đền ơn, đáp nghĩa", cho phép sự kết nối rộng khắp giữa các giới và lứa tuổi trong khả năng cho phép, nhằm bảo đảm cho các Mẹ đến khi nhắm mắt xuôi tay có cuộc sống ổn định về vật chất và thanh thản về tinh thần. Riêng với đối tượng là thiếu niên nhi đồng, các hoạt động xã hội tập thể - nhất là phong trào "Tìm địa chỉ đỏ"[7] - còn mang một ý nghĩa khác: giáo dục về lịch sử, truyền thống dân tộc, cũng như giáo dục về sự quan tâm tới những người cao tuổi trong cộng đồng. Ý nghĩa gần tương tự cũng được tuyên bố cho các nghi lễ thường niên (chủ yếu nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ) được thực hiện ở nghĩa trang liệt sĩ các cấp, nơi các cháu nhỏ được nhà trường hướng dẫn quét dọn, cắm hoa, thắp hương trên phần mộ của tất cả các liệt sĩ mà nay, theo chủ trương của một số địa phương, được kết hợp với mộ của các MVNAH.

Xuất phát từ đặc điểm lịch sử của đất nước, cuộc đời và sự ra đi của các MVNAH để lại nhiều dấu ấn với cư dân nông thôn hơn là cư dân đô thị, khi mà nơi đây đã đóng góp một số lượng khổng lồ sinh mệnh con người cho chiến tranh. Lưu ý quan trọng ở đây là các chỉ thị đầu tiên từ Nhà nước nhằm định hướng ứng xử xã hội đối với gia đình, thân nhân liệt sĩ là chủ yếu

nhắm vào khu vực này: "Ở nông thôn, việc giúp đỡ gia đình liệt sĩ trong việc sinh sống làm ăn, chủ yếu là giúp đỡ trong việc canh tác ruộng vườn, như cày, bừa, cấy, gặt", "[…] cần giúp đỡ gia đình liệt sĩ trong đời sống hằng ngày, thăm hỏi khi đau ốm, an ủi trong ngày lễ, ngày giỗ liệt sĩ, giúp đỡ làm nhà cửa…", "Trong các ngày lễ, cuộc vui, gia đình liệt sĩ được mời ngồi chỗ tốt" [2], điều đã ảnh hưởng sâu sắc tới các thực hành văn hóa - xã hội kéo dài trong hơn nửa thế kỷ từ sau miền Bắc độc lập. Sự gần gũi của MVNAH với vùng nông thôn còn do các Mẹ khi còn sống đã mong muốn được ở gần nơi tổ tiên và chồng, con mình được chôn cất. Điểm thú vị là qua các ứng xử xã hội với MVNAH, Nhà nước đã gián tiếp ủng hộ một số truyền thống làng xã (cũng một phần là truyền thống Việt Nam) từng bị lãng quên hoặc phê bình trong tình trạng áp đặt các giá trị cộng sản kiểu cũ vốn đề cao sự bình đẳng và vô thần: MVNAH được sắp xếp cho những chỗ ngồi tốt trong các sự kiện, cuộc vui của cộng đồng như một cách để thể hiện sự tôn trọng thứ bậc và tôn ti xã hội; thực hành thờ cúng liệt sĩ trong gia đình được coi là quyền thiêng liêng của các Mẹ và thậm chí được nâng lên thành một biểu tượng chính trị quan trọng thời hậu chiến; thân nhân của các Mẹ đã qua đời có thể được chính quyền cấp đất ở để làm nhà thờ Mẹ và liệt sĩ, làm hình thành các ngôi "miếu" (thường mang dáng dấp "nhà tình nghĩa") trong không gian văn hóa tâm linh của làng quê hiện đại.

6. Kết luận

Tuy là một sáng tạo tương đối mới trong lịch sử, danh hiệu vinh dự Nhà nước MVNAH là sự vận dụng, phát huy tương đối thành công sức hút của hình tượng người mẹ trong văn hóa Việt Nam trước yêu cầu chính trị đương đại về tôn vinh các anh hùng, liệt sĩ cách mạng, đồng thời nhắc nhở về quá khứ hào hùng và cái giá của chiến thắng. Sự vận dụng biểu tượng và ứng xử xã hội đa dạng với MVNAH cho thấy khả năng kích thích mạnh mẽ của danh hiệu - với tư cách là một động thái từ chính thể - tới thực tiễn đời sống, theo những phương cách được chấp nhận và ủng hộ rộng rãi [16], [18]. Ở đây, một số mâu thuẫn giá trị nhất định giữa lý tưởng quốc gia và truyền thống gia đình có thể bị xóa nhòa nhờ việc nhấn mạnh cam kết về thể hiện đạo lý dân tộc. Nó cũng phản ánh một số vấn đề văn hóa - xã hội quan trọng của việc thực thi chính sách người có công, thứ đóng vai trò là sự kết nối giữa Nhà nước, cộng đồng và xã hội trong cam kết bảo đảm đời sống của MVNAH.

Chú thích

[2] Theo Điều 58 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, danh hiệu vinh dự Nhà nước được quy định gồm 7 loại/ nhóm: (i) Bà mẹ Việt Nam anh hùng; (ii) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; (iii) Anh hùng Lao động; (iv) Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú; (v) Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; (vi) Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; (vii) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

[3] Một cách không chính thức, những MVNAH được xem là nổi tiếng nhất là những Mẹ có nhiều người con hy sinh nhất (thường là 5 con trở lên), cũng là những Mẹ được công nhận trước nhất (đợt đầu tiên là năm 1994).

[4] Điển hình là Quần thể Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng ở Quảng Nam do Hoạ sĩ, nhà điêu khắc Đinh Gia Thắng thiết kế, với chân dung Mẹ ở chính giữa và gương mặt của những người con thấp thoáng hai bên vách đá gợi tả hình ảnh về một đất nước hòa bình thống nhất, các con cháu mọi miền Bắc - Trung - Nam sum vầy quanh mẹ hiền Tổ quốc. Một ví dụ khác là bức phù điêu "Núm ruột cuối cùng" tại Không gian ghi công Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở Bến Tre, hoặc mô thức đặt tượng/ mộ của MVNAH ở vị trí trung tâm một số nghĩa trang liệt sĩ lớn.

[5] Tương tự, cũng không có một tượng đài, công trình tưởng niệm nào khắc họa hình ảnh MVNAH như là vợ liệt sĩ.

[6] Một ví dụ khác về hệ quả của lối tư duy đóng khung về MVNAH là cách hiểu phổ biến rằng các Mẹ chỉ bao gồm những người cao tuổi, "gần đất xa trời", điều đã dẫn đến sự tranh cãi về tính phi thực tế của một dự thảo giáo dục năm 2013 về việc quy định… nâng điểm cho các Mẹ đi thi đại học. Tranh cãi này là có cơ sở vì đến thời điểm đó, đại đa số các Mẹ đã qua đời hoặc đã 70 - 80 tuổi trở lên, nhưng lại không tính đến ý nghĩa nhân văn của dự thảo là khuyến khích tinh thần "học tập suốt đời", và có tồn tại những Mẹ còn tương đối trẻ do con, chồng là quân nhân hy sinh trong thời bình.

[7] Chỉ chung hoạt động tổ chức cho thế hệ trẻ thăm hỏi, gặp gỡ các nhân chứng lịch sử, nghe họ nói chuyện truyền thống, tìm hiểu hoàn cảnh của gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình người có công với cách mạng, cuối cùng là vẽ bản đồ, ghi địa chỉ cụ thể các gia đình đó để sử dụng như một loại tư liệu giáo dục và phục vụ công tác xã hội.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban tư tưởng văn hóa Trung ương (2005), *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam (1955 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (1956), *Thông tư số 59-TB-SL5 ngày 17 tháng 10 năm 1956 của Bộ Thương binh V/v Giải thích và hướng dẫn thi hành điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ*, Hà Nội.

[3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (1995), *Công văn số 1088/CSTBLS ngày 29 tháng 3 năm 1995 V/v Xét phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"*, Hà Nội.

[4] Huỳnh Văn Cang (1997), "Mấy bài học thực tiễn ngành công tác thương bình - xã hội", in trong Trần Trọng Tân (chủ biên), *Thành phố Hồ Chí Minh hai mươi năm (1975 - 1995)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

[5] Lê Duẩn (1976), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[6] Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[7] Vũ Ngọc Khánh và cộng sự (2002), *Nữ thần và thánh mẫu Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

[8] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập,* t.12 (1966 - 1969), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9] Ngô Đức Thịnh (1996), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[10] Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012), *Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 10 năm 2012 V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"*, Hà Nội.

[11] Greer, Bob (2011), *Journey Among Heroes*, Trafford Publishing.

[12] Guo, Yingje (2011), "China's celebrity mothers: female virtues, patriotism and social

harmony", in Louise Edwards & Elaine Jeffreys (eds.), *Celebrity in China*, Hong Kong: Hong Kong University Press, pp. 45-66.

[13] Headlee, Sue & Elfin, Margery (1996), *The Cost of Being Female*, Westport, CT: Praeger Publishers

[14] Hue-Tam Ho Tai (2001), "Faces of Remembrance and Forgetting", in Hue-Tam Ho Tai (ed.), *The Country of Memory: Remaking the Past in Late Socialist Vietnam*, Berkeley: University of California Press, pp. 167-195.

[15] Kato, Atsufumi (2015), "A Concerned Mother of the Souls in the House: The Agency of Vietnamese Elderly Women Who Live Alone in Their Home Villages", in Noriko Ijichi, Atsufumi Kato & Ryoko Sakurada (eds.), *Rethinking Representations of Asian Women: Changes, Continuity, and Everyday Life*, London: Palgrave Macmillan Press, pp. 139-154.

[16] Kwon, Heonik (2006), *After the Massacre: Commemoration and Consolation in Ha My and My Lai*, Berkeley: University of California Press.

[17] Kwon, Heonik (2015), "North Korea's culture of commemoration", in Tam T. T. Ngo & Justine B. Quijada (eds.), *Atheist Secularism and its Discontents: A Comparative Study of Religion and Communism in Eurasia*, Palgrave Macmillan, New York, pp. 112-133.

[18] Kyouraku, Mahoko (2010), "Gender in War: The Case of the Vietnam War and "Vietnamese Heroic Mother"", *Social Alternatives*, Vol. 29 (1), pp. 11-14.

[19] Pettus, Ashley (2003), *Between Sacrifice and Desire: National Identity and the Governing of Femininity in Vietnam*, Routledge, New York.

[20] Schlecker, Markus (2013), "Life, Labor, and Merit: War Martyrdom as Support Encountersin Late Socialist Vietnam", in Markus Schlecker & Friederike Fleicher (eds.), *Ethnographies of Social Support*, Palgrave Macmillan New York, pp. 161-176.

[21] Song, Hyeonjin (2018), "The Types and Meanings of Maternal Heroes in the North Korean Songun (Military First) Era", *Journal of Peace and Unification*, Vol. 8 (1), pp. 65-107.

[22] Thanh Chương (2018), *Đồng chí Đỗ Mười với ý tưởng tôn vinh Mẹ Việt Nam anh hùng*, https://vtv.vn/trong-nuoc/dong-chi-do-muoi-voi-y-tuong-ton-vinh-me-viet-nam-anh-hung-20181005180736033.htm, truy cập ngày 5 tháng 6 năm 2020

[23] Mai Hương và Vũ Thủy (2014), *Tái giá bao nhiêu lần cũng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng*: https://tuoitre.vn/tai-gia-bao-nhieu-lan-cung-la-ba-me-viet-nam-anh-hung-627874.htm, truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2020

[24] Thái Thị Ngọc Dư và cộng sự (2011), *Memoirs of Vietnamese Mothers of War Martyrs*, https://drive.google.com/file/d/16Ld1uryoJXfe2lRoIxKgVsBsBaAMTb8H/view, truy cập ngày 5 tháng 6 năm 2020.